

Thứ tư, ngày 5 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên giăng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/2/2020		•	
Tuần 3/2-7/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trái ngược với đà hồi phục của các TTCK lớn trên thế giới và tại Châu Á, VN-Index vận động giăng co trong phiên sáng. Đến phiên chiều, chỉ số quay đầu giảm điểm về vùng giá tích lũy quanh ngưỡng 925 điểm khi áp lực của các mã bluechips như SAB, BID, VCB, CTG, VJC là quá lớn. Hoạt động bán ròng cùng với thanh khoản có phần sụt giảm cũng phần nào ảnh hưởng kìm tích cực lên VN-Index. Tâm lý thị trường nhìn chung vẫn duy trì sự thận trọng.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2009, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 5/2/2019, phần lớn chứng quyền tăng điểm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_ Chiến tranh thương mại_1.7%. 19/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.7%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

Phân tích kỹ thuật: TAR_Hồi phục từ đáy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-3.18 điểm**, đóng cửa 925.91. HNX-Index **+0.62 điểm**, đóng cửa 103.19.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.83); VPB (+0.51); VHM (+0.29); PLX (+0.28); HDB (+0.25)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-1.61); BID (-1.04); VCB (-0.96); CTG (-0.38); VJC (-0.30)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,998 tỷ đồng**, **-9.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 14.44 điểm. Thị trường có 180 mã tăng, 67 mã tham chiếu và 151 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **173.18 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm DXG (62.12 tỷ), VNM (39.93 tỷ) và HPG (33.89 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **20.77 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

925.91

Giá trị: 2998.24 tỷ

-3.18 (-0.34%)

Khối ngoại (ròng): -173.18 tỷ

HNX-INDEX

103.19

Giá trị: 354.86 tỷ

0.62 (0.6%)

Khối ngoại (ròng): -20.77 tỷ

UPCOM-INDEX

55.21

Giá trị: 157.72 tỷ

0.47 (0.86%)

Khối ngoại(ròng): 0.83 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	50.1	1.07%
Giá vàng	1,556	0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,223	-0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,647	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	21,181	-0.18%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	2.71%
LS TPCP 5 năm	2.2%	-4.18%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	34.8	DXG	-62.1
E1VFN30	32.6	VNM	-39.9
CTG	15.0	HPG	-33.9
VJC	6.2	VRE	-16.4
VCB	5.7	PLX	-12.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **19/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.7%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_1.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Chiến tranh thương mại	1.7%	-9.1%	-7.2%	-12.9%	-17.6%	-5.6%	3.3%	15.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.0%	-3.9%	-4.6%	-2.6%	-7.3%	5.6%	38.3%	14.5%
Dầu khí	0.9%	-11.7%	-12.4%	-18.3%	-22.8%	-9.3%	6.1%	22.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	-9.4%	-6.7%	-12.7%	-16.6%	-14.5%	29.6%	21.1%
Hàng tiêu dùng	0.7%	-8.3%	-7.0%	-16.4%	-13.6%	-4.4%	44.0%	17.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.5%	-4.1%	4.3%	0.7%	10.7%	12.3%	46.7%	19.3%
VN FinSelect	0.5%	-4.4%	2.7%	-0.8%	7.6%	8.2%	39.8%	17.8%
Vật liệu Xây dựng	0.4%	-4.9%	-3.4%	-6.9%	-2.6%	5.4%	5.6%	18.6%
VN Diamond	0.4%	-7.0%	-3.2%	-7.3%	4.0%	12.5%	60.2%	17.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	-7.7%	-4.2%	-11.3%	-4.6%	-0.7%	46.1%	14.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	-7.5%	-4.8%	-8.4%	2.2%	10.8%	62.6%	17.3%
Nước & Năng lượng	0.2%	-10.3%	-11.2%	-15.1%	-14.0%	-7.8%	29.5%	14.4%
BDS & Khu công nghiệp	0.2%	-8.0%	-9.8%	-10.9%	-11.6%	-1.9%	45.6%	16.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	-7.5%	-4.5%	-7.4%	-1.2%	7.7%	56.8%	15.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	-6.6%	-1.3%	-2.9%	7.1%	28.3%	99.9%	19.3%
FTSE Việt Nam	0.0%	-6.6%	-4.5%	-7.5%	-6.8%	2.7%	80.8%	14.9%
Lãi suất giảm	0.0%	-8.0%	-4.8%	-10.3%	-11.1%	-5.7%	41.3%	17.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	-7.0%	-5.3%	-8.6%	-8.5%	1.4%	70.4%	13.7%
Ngân hàng	-0.3%	-3.9%	5.7%	5.1%	17.1%	24.8%	87.5%	21.9%
Xây dựng	-1.4%	-12.2%	-11.8%	-21.8%	-22.3%	-24.5%	0.5%	18.2%
Ngành Dược	-3.4%	6.2%	4.0%	2.4%	6.9%	13.3%	52.3%	17.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 12	0.8%	-8.7%	-6.9%	-7.9%	-1.0%	14.4%	56.4%	16.9%
Danh mục 15	0.5%	-10.6%	-9.3%	-14.5%	-11.0%	-4.0%	45.5%	18.0%
Danh mục 3	0.2%	-9.2%	-7.4%	-9.1%	-1.6%	13.5%	58.4%	18.2%
Danh mục 1	-0.3%	-7.9%	-1.7%	0.0%	6.9%	14.5%	87.8%	17.2%
Danh mục 8	-0.3%	-7.4%	-6.1%	-6.1%	1.5%	23.5%	89.1%	18.5%
* Note	18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.6%	-11.6%	-10.7%	-15.9%	-12.9%	9.8%	74.1%	20.5%
Danh mục 25	0.2%	-7.3%	-4.2%	-7.7%	0.2%	19.1%	97.9%	16.8%
Danh mục 23	0.2%	-8.9%	-5.2%	-7.3%	-2.3%	5.9%	42.9%	16.7%
Danh mục 22	0.0%	-9.2%	-8.0%	-10.9%	-4.1%	13.1%	50.6%	16.4%
Danh mục 20	-0.1%	-6.9%	-7.0%	-8.6%	-2.4%	8.6%	48.6%	16.8%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	-0.3%	-6.6%	-4.1%	-7.3%	-6.6%	1.9%	35.5%	15.4%
VN30INDEX	0.0%	-7.0%	-4.0%	-8.4%	-4.5%	-2.6%	33.5%	15.8%

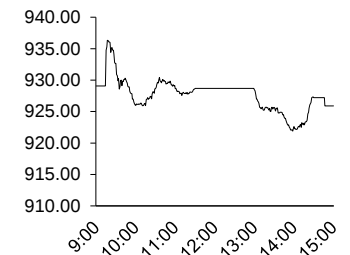
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH
2/5/2020
Vietnam Daily Review

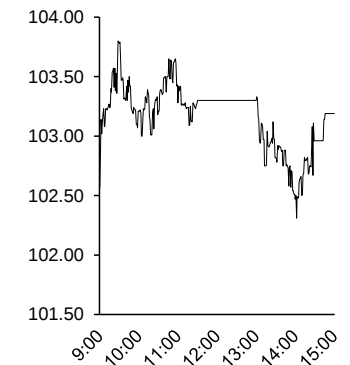
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	-3.5%
Du lịch và Giải trí	-1.0%
Tài nguyên Cơ bản	-0.8%
Thực phẩm và đồ uống	-0.6%
Ngân hàng	-0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.2%
Bất động sản	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hóa chất	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Bán lẻ	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.4%
Ô tô và phụ tùng	0.7%
Truyền thông	1.0%
Bảo hiểm	1.5%
Dầu khí	1.7%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

TAR_Hồi phục từ đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vượt qua giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: TAR đang ở trong quá trình hồi phục trở lại sau khi đã tạo xu hướng giảm từ ngưỡng 34 về vùng giá 26 trong 3 tháng qua. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây có chiều hướng cải thiện dần. Hôm nay, cổ phiếu đã xác lập mức tăng hơn 5% khá ấn tượng. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang dần chuyển sang trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI vừa quay trở lại khu vực trên giá trị 50 càng làm củng cố thêm cho đà hồi phục của TAR. Tuy vậy, đường EMA12 vẫn đang ở dưới EMA26 nên trạng thái tăng này chưa thực sự bền vững. Theo đánh giá của chúng tôi, TAR có thể quay trở lại khu vực 29.5-30 và có thể tích lũy đi ngang tại vùng giá này như những gì cổ phiếu đã thể hiện trong quá khứ.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Hồi phục

[Link](#)

FPT_Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_Hồi phục

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

NVL_Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 5/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 5/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	50.10	0.99%	-6.06%	-19.85%	-8.56%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	54.51	1.02%	-7.47%	-15.87%	-12.26%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	144.82	0.35%	-6.01%	-16.45%	-3.31%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1554.78	0.12%	-1.40%	-0.11%	18.99%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.58	-0.10%	0.11%	-2.91%	12.14%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	882.00	0.28%	-1.23%	-6.57%	-9.28%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	559.00	0.31%	-0.58%	1.59%	-0.93%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.05	6.00%	6.00%	0.47%	22.40%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.50	-164.00%	-656.00%	-15.15%	-20.05%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.71	-1.21%	1.17%	7.14%	3.59%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.15	0.26%	-6.57%	-19.65%	-18.00%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5618.00	1.68%	-1.49%	-8.64%	-5.13%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3296.00	0.37%	-7.75%	-7.13%	N/A	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1686.00	-0.03%	-3.77%	-7.16%	-10.82%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	587.50	0.09%	-12.12%	-9.09%	N/A	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.70	3.41%	2.80%	-2.86%	-26.86%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

• Dầu thô Brent giảm 49 US cent tương đương 0.9% xuống 53.96 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 50 US cent xuống 49.61 USD/thùng. Cả hai loại dầu chạm mức thấp nhất kể từ tháng 1/2019. Giá dầu giảm khoảng 1% do lo ngại nhu cầu năng lượng sẽ bị ảnh hưởng kéo dài từ virus corona bùng phát, làm lu mờ kỳ vọng cắt giảm sản lượng từ OPEC và các đồng minh.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 1.61% xuống 1,550.69 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 giảm 1.7% xuống 1,555.5 USD/ounce.

• Giá vàng giảm hơn 1% khi Trung Quốc sử dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động kinh tế của virus corona, khiến các nhà đầu tư quay lưng lại với vàng và tìm kiếm tài sản rủi ro hơn. Những nỗ lực của Bắc Kinh bao gồm việc ký kết thêm chi tiêu của chính phủ, giảm thuế và trợ cấp cho các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi virus. Sự bùng phát virus đã làm suy yếu hoạt động kinh tế của Trung Quốc khi các thành phố bị đóng cửa, hạn chế đi lại và đóng cửa doanh nghiệp.

• Ngoài ra, giá vàng chịu áp lực giảm bởi nhập khẩu vàng của Ấn Độ trong tháng 1/2020 giảm 48% so với tháng 1/2019 do giá thị trường nội địa tăng lên gần mức cao kỷ lục, khiến khách mua hàng hạn chế mua vào.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm 6.1% xuống 569.5 CNY (81.12 USD)/tấn, thấp nhất kể từ ngày 12/11/2019. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 1.6%, giá thép cuộn cán nóng tăng 1.4%. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm xuống mức thấp nhất gần 3 tháng do lo ngại tác động của virus corona đối với nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới.

Giá nông sản

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.07 US cent tương đương 0.5% xuống 14.82 US cent/lb. Đường trắng giao cùng kỳ hạn giảm 0.1 USD tương đương 0.02% xuống 416.5 USD/tấn.

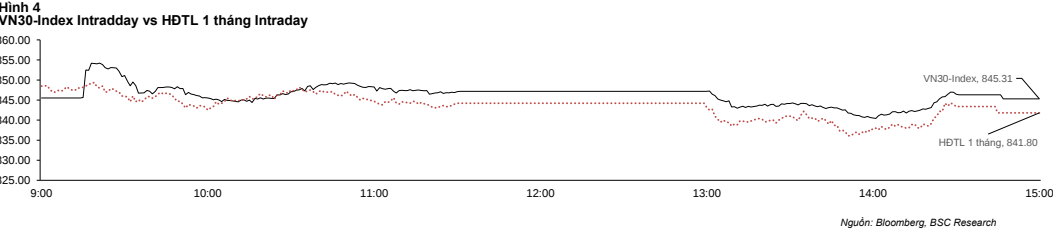
• Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.9 US cent lên 98.8 US cent/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 1 USD tương đương 0.1% xuống 1,289 USD/tấn.

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn TOCOM tăng 1.7 JPY lên 174.7 JPY (1.6 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 105 CNY xuống 11,040 CNY (1,579 USD)/tấn. Giá cao su tại Tokyo tăng trở lại sau khi giảm xuống mức thấp nhất hơn 3 tháng, do các nhà đầu tư đẩy mạnh mua vào trong khi giá cao su tại Thượng Hải giảm, song các nhà đầu tư vẫn thận trọng do virus corona lây lan tại Trung Quốc.

• Sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu năm 2020 có khả năng đạt mức cao kỷ lục 14.285 triệu tấn, tăng 3.8% so với năm 2019, do diện tích trồng trọt mở rộng, Hiệp hội Các nước Sản xuất Cao su Tự nhiên (ANRPC) cho biết.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	841.80	-0.05%	-3.51	-28.2%	139923	2/20/2020	17
VN30F2003	843.50	-0.18%	-1.81	-13.8%	238	3/19/2020	45
VN30F2006	850.80	-0.30%	5.49	16.2%	115	6/18/2020	136
VN30F2009	848.10	0.25%	2.79	107.3%	85	9/17/2020	227

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giữ gần mốc tham chiếu, giảm -0.21 điểm xuống mức 845.31 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VNM, SAB, và VJC tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên hôm nay lên gần 855 điểm, trước khi điều chỉnh giảm, giằng co quanh 842-848 điểm. Thanh khoản tiếp tục giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh vùng 835-850 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Ngoại trừ VN30F2009, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2002 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2003 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM1906	VND	3/5/2020	29	2:1	63,060	n/a	1.0 triệu	20.03%	8,100	1,230	20.59%	149.20	8.24
CVPB2001	HSC	6/22/2020	138	3:1	6,040	-84.9%	5.0 triệu	23.06%	1,500	3,030	16.99%	2,302.80	1.32
CVPB1901	VND	3/5/2020	29	1:1	386,710	317.7%	2.0 triệu	23.06%	3,500	6,100	13.17%	6,217.80	0.98
CMWG2003	MBS	4/24/2020	79	10:1	71,480	n/a	4.0 triệu	23.15%	1,530	1,570	6.80%	255.50	6.14
CMWG2001	HSC	6/22/2020	138	10:1	77,550	120.1%	5.0 triệu	23.15%	1,700	1,350	6.30%	410.00	3.29
CFPT1905	SSI	4/22/2020	77	1:1	61,930	-14.4%	1.0 triệu	22.26%	9,900	2,980	5.67%	1,160.60	2.57
CMBB1903	SSI	4/22/2020	77	1:1	510,620	221.2%	3.0 triệu	19.82%	4,000	1,500	4.17%	504.20	2.98
CVIC1902	SSI	4/22/2020	77	1:1	9,530	-73.7%	1.0 triệu	14.43%	22,700	10,540	2.93%	3,352.70	3.14
CFPT1908	MBS	6/17/2020	133	3:1	164,330	151.2%	2.4 triệu	22.26%	3,150	1,850	2.78%	770.00	2.40
CVHM1902	SSI	4/22/2020	77	3:1	13,830	147.0%	1.0 triệu	21.98%	18,600	8,810	1.50%	4,427.60	1.99
CVNM1903	SSI	4/22/2020	77	1:1	50,300	140.4%	1.0 triệu	20.03%	26,600	5,170	0.98%	606.90	8.52
CREE1905	MBS	6/17/2020	133	3:1	216,400	-58.1%	2.4 triệu	23.47%	2,150	1,230	0.00%	313.60	3.92
CTCB1902	VND	6/5/2020	121	1:1	77,790	84.9%	2.0 triệu	22.83%	5,300	2,790	-0.36%	1,732.50	1.61
CHPG1907	SSI	4/22/2020	77	1:1	28,660	-13.3%	1.0 triệu	25.92%	4,200	4,730	-1.46%	3,766.20	1.26
CVRE1903	KIS	5/15/2020	100	2:1	110,020	-20.3%	4.0 triệu	23.44%	2,700	710	-2.74%	105.20	6.75
CHPG1909	KIS	5/15/2020	100	2:1	503,380	28.7%	5.0 triệu	25.92%	1,800	1,260	-5.26%	682.50	1.85
CHPG2001	HSC	6/30/2020	146	2:1	61,750	-26.0%	5.0 triệu	25.92%	1,800	1,820	-5.70%	1,029.80	1.77
CHDB2002	MBS	4/10/2020	65	2:1	202,800	n/a	1.5 triệu	22.54%	1,950	1,850	-8.42%	1,413.20	1.31
CVJC1902	SSI	4/22/2020	77	1:1	9,100	77.4%	1.0 triệu	17.83%	27,900	11,000	-9.98%	3,379.10	3.26
CMWG2002	MBS	4/24/2020	79	3:1	139,350	n/a	2.0 triệu	23.15%	1,950	1,470	-21.39%	661.40	2.22
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	79	5:1	201,900	n/a	2.0 triệu	22.16%	2,200	1,550	-28.90%	685.20	2.26
Tổng:					2,966,530		52.30 triệu	22.21%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 5/2/2019, phần lớn chứng quyền tăng điểm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CPNJ2001 và CMWG2002 giảm mạnh lần lượt là -28.90% và -15.79%. Trại lại, CVNM1906 và CVPB2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 20.59% và 16.99%. Thanh khoản thị trường tăng 10.42%. CMBB1903 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.64% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, HPG và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	24.15	2.99	1.63
VNM	106.60	1.52	1.21
HDB	28.40	3.09	0.78
VHM	86.00	0.35	0.15
FPT	52.00	0.39	0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SAB	194.0	-4.43	-0.67
VJC	127.0	-1.55	-0.72
EIB	17.2	-1.99	-0.50
NVL	54.0	-1.82	-0.45
VCB	88.9	-1.00	-0.36

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM1906	130,225	114,025	106,600
CVPB2001	23,000	20,000	24,150
CVPB1901	21,500	18,000	24,150
CMWG2003	129,800	114,500	108,000
CMWG2001	132,000	115,000	108,000
CFPT1905	64,900	55,000	52,000
CMBB1903	26,000	22,000	21,150
CVIC1902	137,700	115,000	114,500
CFPT1908	63,450	54,000	52,000
CVHM1902	103,600	85,000	86,000
CVNM1903	145,580	118,980	106,600
CREE1905	41,050	34,600	33,300
CTCB1902	26,300	21,000	21,750
CHPG1907	25,200	21,000	24,450
CVRE1903	41,189	35,789	28,950
CHPG1909	28,280	24,680	24,450
CHPG2001	27,600	24,000	24,450
CHDB2002	29,900	26,000	28,400
CVJC1902	157,900	130,000	127,000
CMWG2002	129,500	110,000	108,000
CPNJ2001	94,500	83,500	82,700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.0	0.1%	0.8	2,128	3.8	8,655	12.5	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.7	-1.5%	1.2	810	2.4	5,327	15.5	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	56.8	2.0%	1.3	1,833	0.7	1,553	36.6	2.5	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.4	1.6%	0.8	316	0.0	2,859	11.0	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.5	-0.3%	1.0	16,839	2.3	2,268	50.5	5.1	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	29.0	-1.0%	1.1	2,860	2.6	1,224	23.7	2.4	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	54.0	-1.8%	0.8	2,276	1.3	3,563	15.2	2.4	6.9%	15.5%
REE	Bất động sản	33.3	-0.3%	1.0	449	1.1	5,286	6.3	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	10.9	1.9%	1.6	247	3.5	2,849	3.8	0.8	45.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.0	-0.3%	1.4	382	1.6	1,708	9.9	0.9	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	26.7	-0.6%	1.0	190	0.1	4,218	6.3	1.1	36.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.3	1.4%	1.7	243	1.2	1,421	12.9	1.3	56.1%	11.7%
FPT	Công nghệ	52.0	0.4%	0.9	1,533	3.8	4,225	12.3	2.6	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	41.1	2.5%	0.4	444	0.0	4,156	9.9	2.5	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	81.6	-0.5%	1.5	6,790	1.0	6,096	13.4	3.2	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	51.5	1.6%	1.5	2,666	0.4	3,495	14.7	2.8	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	16.1	2.5%	1.4	335	2.2	1,529	10.5	0.6	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.6	-1.3%	0.8	1,025	0.3	1,163	6.5	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	96.5	-4.5%	0.5	549	0.2	4,668	20.7	3.7	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.4	-1.3%	0.6	194	0.2	902	12.6	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.7	-1.0%	0.6	131	0.1	683	8.3	0.5	2.3%	5.5%
VCB	Ngân hàng	88.9	-1.0%	1.2	14,336	2.8	5,004	17.8	3.8	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	53.5	-1.7%	1.7	9,356	1.7	2,398	22.3	2.9	18.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.6	-1.3%	1.6	4,298	13.9	2,541	10.4	1.3	29.8%	13.1%
VPB	Ngân hàng	24.2	3.0%	1.2	2,560	6.7	3,370	7.2	1.4	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.2	0.0%	1.2	2,139	6.7	3,480	6.1	1.2	20.9%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.0	-0.9%	1.2	1,657	2.8	3,686	6.2	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	42.0	-1.2%	0.9	149	0.1	5,165	8.1	1.4	80.6%	16.5%
NTP	Nhựa	28.5	0.0%	0.3	122	0.1	4,167	6.8	1.1	20.3%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.3	3.6%	1.1	615	0.0	732	19.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.5	-0.6%	1.0	2,935	7.4	2,581	9.5	1.4	38.7%	17.0%
HSG	Thép	8.0	1.0%	1.8	148	1.1	1,161	6.9	0.6	18.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	106.6	1.5%	0.8	8,071	7.1	5,478	19.5	6.7	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	194.0	-4.4%	0.8	5,409	0.4	7,477	25.9	6.6	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.0	0.0%	1.1	2,541	1.6	4,772	10.5	1.4	39.1%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	17.8	-0.3%	0.4	453	0.9	508	35.0	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	59.0	7.3%	0.8	5,584	1.1	2,630	22.4	4.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	127.0	-1.6%	1.1	2,893	2.6	7,889	16.1	4.3	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	26.5	-0.7%	1.7	1,634	0.8	1,640	16.2	2.1	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	18.9	0.5%	0.9	244	0.4	1,595	11.8	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.2	3.9%	0.5	162	0.5	2,421	5.5	0.9	31.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.8	2.5%	1.1	451	0.5	8,824	7.3	3.0	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.5	1.4%	0.7	341	0.1	1,454	12.0	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.5	2.1%	0.8	241	0.0	1,953	7.4	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	50.6	1.0%	0.9	168	0.3	8,858	5.7	0.5	47.1%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.1	-0.8%	1.0	482	0.2	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.2	-0.2%	0.4	260	0.2	1,750	13.8	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	9.6	0.7%	0.6	974	1.0	1,064	9.0	0.9	13.3%	7.8%
NT2	Điện	19.3	1.3%	0.5	241	0.2	2,577	7.5	1.3	18.5%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	106.60	1.52	0.81	1.55MLN
VPB	24.15	2.99	0.50	6.40MLN
PLX	51.50	1.58	0.30	186410.00
VHM	86.00	0.35	0.29	2.41MLN
HDB	28.40	3.09	0.24	1.33MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.40	8.82	0.80	13.15MLN
PVS	16.10	2.55	0.10	3.13MLN
VCS	64.80	2.53	0.05	180200.00
NVB	9.10	1.11	0.04	2.53MLN
SHN	9.00	3.45	0.04	22600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	194.00	-4.43	-1.68	43870.00
BID	53.50	-1.65	-1.05	718710.00
VCB	88.90	-1.00	-0.97	731310.00
CTG	26.55	-1.30	-0.38	11.73MLN
VJC	127.00	-1.55	-0.32	477530.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.00	-0.86	-0.32	2.79MLN
AMV	18.50	-9.76	-0.07	789000.00
DHT	49.30	-6.98	-0.06	44300.00
VIF	17.50	-5.41	-0.04	6000.00
L14	47.50	-4.81	-0.03	53800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAB	54.00	6.93	0.01	84520.00
YBM	3.55	6.93	0.00	4820.00
D2D	51.40	6.86	0.02	538320.00
RIC	5.92	6.86	0.00	5000.00
NAV	17.95	6.85	0.00	1830.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	317300.00
ACM	0.60	20.0	0.01	1.47MLN
SPI	1.00	11.1	0.00	119800.00
WSS	2.20	10.0	0.01	500.00
DNM	13.30	9.9	0.00	3900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGF	2.79	-7.00	0.00	16390.00
DCL	23.25	-7.00	-0.03	97980.00
VSI	22.65	-6.98	-0.01	310.00
HSL	6.67	-6.97	0.00	88380.00
TCD	9.91	-6.95	-0.01	10.00

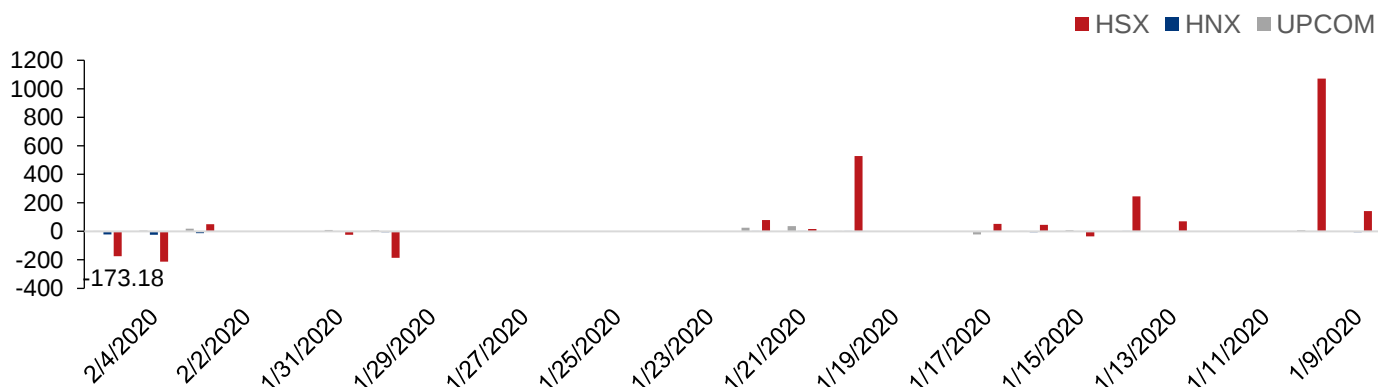
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.80	-11.11	0.00	53400.00
L35	12.60	-10.00	0.00	200.00
BPC	10.10	-9.82	0.00	3200.00
AMV	18.50	-9.76	-0.07	789000.00
KTS	8.40	-9.68	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
4	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
18	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
19	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	96.5	4,668	20.7	3.7	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.8	5,020	5.5	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.7	5,327	15.5	4.1	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.2	2,421	5.5	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	152.2	29,035	5.2	4.1	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	12.5	0	35.7	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	108.0	8,655	12.5	3.9	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.0	3,686	6.2	1.4	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	11.2	2,736	4.1	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	21.8	2,881	7.6	1.2	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	88.9	5,004	17.8	3.8	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	26.3	7,028	3.7	1.4	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	52.0	4,225	12.3	2.6	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.9	3,897	6.1	1.1	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	14.4	2,236	6.4	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	30.0	2,846	10.5	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	50.0	4,772	10.5	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	106.6	5,478	19.5	6.7	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.1	3,700	5.7	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn